



UBND xã Chợ Rẫy

Biểu số 113/CKTC-NSNN

CÂN ĐO NGÂN SÁCH QUÝ IV/2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số 71 /QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2026 của UBND xã Chợ Rẫy)

Đơn vị: Nghìn đồng

STT	Nội dung	Dự toán	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ IV/2025	SO SÁNH
A	A	1	2	3=2/1
I	TỔNG SỐ THU	299.933.478,674	299.933.479	100%
1	Các khoản thu xã hưởng 100%			
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)			
3	Thu bổ sung	267.985.137	267.985.137	100%
	- Bổ sung cân đối	192.761.000	192.761.000	100%
	- Bổ sung có mục tiêu	75.224.137	75.224.137	100%
4	Thu chuyển nguồn	21.319.137	21.319.137	100%
5	Thu kết dư ngân sách năm trước	10.629.204	10.629.204	100%
II	TỔNG SỐ CHI	299.933.478,674	221.171.527	74%
1	Chi đầu tư	29.225.668	28.386.000	97%
2	Chi thường xuyên	231.692.096	166.717.423	72%
3	Chi các chương trình mục tiêu QG, nhiệm vụ	19.971.511	7.337.769	37%
4	Chi nộp trả ngân sách cấp trên	10.629.204	10.629.204	100%
5	Dự phòng	8.415.000	8.101.131	96%

Ghi chú: (1) bao gồm bốn khoản thu từ thuế, lệ phí luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã



UBND xã Chợ Rã

Biểu số 114/CKTC-NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH QUÝ IV/2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2026 của UBND xã Chợ Rã)

Đơn vị: Nghìn đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ IV/2025		So sánh	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	299.933.479	299.933.479	299.933.479	299.933.479	100%	100%
I	Các khoản thu 100%	-	-	-	-		
	Phí, lệ phí						
	Thu khác						
	Lệ phí trước bạ nhà đất						
	Lệ phí hộ tịch						
	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân hộ kinh doanh						
	Thuế thu nhập cá nhân						
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	-	-	-	-		
1	Các khoản thu phân chia						
	Thuê sử dụng đất phi nông nghiệp						
	Thuê sử dụng đất nông nghiệp từ hộ gia đình						
	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình (thuế GTGT)						
	Thuế từ chuyển nhượng BĐS						
2	Các khoản thu phân chia khác do tỉnh quy định						
III	Thu hồi các khoản chi năm trước (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn	21.319.137	21.319.137	21.319.137	21.319.137	100%	100%
V	Thu kết dư ngân sách năm trước	10.629.204	10.629.204	10.629.204	10.629.204	100%	100%
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	267.985.137	267.985.137	267.985.137	267.985.137	100%	100%
	- Thu bổ sung cân đối	192.761.000	192.761.000	192.761.000	192.761.000	100%	100%
	- Thu bổ sung có mục tiêu	75.224.137	75.224.137	75.224.137	75.224.137	100%	100%

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH QUÝ IV/2025
(Ban hành kèm theo Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2026 của UBND xã Chợ Rã)

Đơn vị: Nghìn đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ IV/2025			SO SÁNH		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	299.933.479	29.225.668	270.707.811	249.557.527	28.386.000	221.171.527	83%	97%	82%
	Trong đó:	299.933.479	29.225.668	270.707.811	249.557.527	28.386.000	221.171.527	83%	97%	82%
1	Chi sự nghiệp kinh tế	32.920.594	19.453.945	13.466.649	19.147.000	19.147.000				
2	Sự nghiệp môi trường	2.313.000		2.313.000	-					
3	Chi quản lý hành chính	54.577.618	1.550.000	53.027.618	37.253.487	1.550.000	35.703.487	68%		67,33%
4	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo, dạy nghề	77.515.105		77.515.105	76.958.759		76.958.759	99%		99,28%
5	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin, thể dục thể thao	2.736.292		2.736.292	2.579.147		2.579.147	94,26%		94,26%
6	Chi sự nghiệp y tế	443.000		443.000	443.000		443.000	100%		100%
7	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	1.293.577		1.293.577	1.219.896		1.219.896	94%		94%
8	Chi bảo đảm xã hội	69.135.210		69.135.210	69.135.210		69.135.210	100%		100%
9	Chi an ninh	2.518.246		2.518.246	2.120.926		2.120.926	84%		84%
10	Chi quốc phòng	6.640.469		6.640.469	6.085.998		6.085.998	92%		92%
11	Chi thường xuyên khác	1.745.930		1.745.930				0%		0%
12	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên 7 tháng cuối năm và dự toán năm 2024 so với năm 2025	857.000		857.000	857.000		857.000	100%		100%
13	Chi kết dư ngân sách	10.629.204		10.629.204	10.629.204		10.629.204	100%		100%
14	Dự phòng ngân sách	8.415.000		8.415.000	8.101.131		8.101.131	96%		96%
15	Chi các chương trình mục tiêu QG, nhiệm vụ	28.193.234	8.221.723	19.971.511	15.026.769	7.689.000	7.337.769	53%		37%
16	Chi chuyển nguồn ngân sách	-			-					